

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2019

*V/v tranh chấp ly hôn và
chia tài sản khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Chí Ng**, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(có yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Chị **Diệp Ngọc D**, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL *(có mặt)*.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Dương Thị Bẩy**, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(có mặt)*

3.2. Bà **Bùi Thị Tơ**, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(vắng mặt)*

3.3. Bà **Đặng Thị Nương**, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(vắng mặt)*

3.4. **Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Thông Thành**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Diệp Bình Hùng**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 131A, ấp N Ô, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. *(vắng mặt)*

3.5 Bà **Trần Thu Nhân**, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2018, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Chí Ng trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Diệp Ngọc D kết hôn từ tháng 11/2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2017. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D không có con chung, không nuôi con nuôi, không có con riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi cưới gia đình anh có cho vợ chồng anh 10 chỉ vàng 24K. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24K trên, vàng do chị D quản lý. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ngày 28/02/2019 anh Ng yêu cầu chia đôi số tiền chị D đã bán 06 chỉ vàng 24K để cho bà Tơ, bà Nương vay và đã trả cho chị D nhận cùng với 04 chỉ vàng 24K còn lại chị D đang quản lý. Việc chị D cho rằng hiện mẹ anh là bà Bảy đang quản lý số tiền 7.920.000đ do bà Tơ, bà Nương trả và mẹ anh mượn chị D 2.000.000đ là không đúng.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Diệp Ngọc D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Ng. Nay anh Ng yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Chí Ng không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D thừa nhận khi cưới gia đình chồng chị có cho chị và anh Ng 10 chỉ vàng 24K, chị là người quản lý số vàng trên. Tuy nhiên, chị đã bán 06 chỉ vàng 24K được số tiền 21.603.000đ. Số tiền trên chị cho bà Tơ và bà Nương mỗi người vay là 10.000.000đ (thỏa thuận mỗi ngày góp 220.000đ, góp trong vòng 02 tháng), còn lại 1.063.000đ chị bù tiền cá nhân của chị vào đủ 2.000.000đ để cho bà Bảy mượn. Sau khi vay bà Tơ, bà Nương mỗi người đã trả tiền vay được 18 ngày với số tiền bằng 7.920.000đ, số tiền này bà Dương Thị Bảy nhận. Ngoài ra, bà Tơ trả cho chị trực tiếp nhận 13 ngày bằng 2.860.000đ, bà Nương trả cho chị nhận 06 ngày bằng 1.320.000đ.

Còn lại 04 chỉ vàng 24K chị cầm tại tiệm vàng Thông Thành và hiện nay chị đã bán để dùng trong việc sinh hoạt chi tiêu cá nhân hết.

Chị đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của anh Ng với điều kiện bà Dương Thị Bảy phải trả cho chị số tiền 7.920.000đ do bà Tơ, bà Nương trả và 2.000.000đ chị cho bà Bảy mượn.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Bảy trình bày:***

Bà thống nhất theo ý kiến trình bày của anh Ng. Bà không có giữ tiền do bà Tơ, bà Nương trả như chị D đã trình bày, bà cũng không có mượn tiền chị D nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị D.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Tơ trình bày:***

Bà thừa nhận vào ngày 19/4/2018 có vay của chị D số tiền 10.000.000đ. Không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu phần trăm, mà chỉ thỏa thuận bà phải trả góp cho chị D mỗi ngày là 220.000đ, thời hạn trả là 02 tháng (60 ngày), bắt đầu trả góp tiền từ ngày 20/4/2018. Bà trả tiền vay từ ngày 20/4/2018 đến ngày 07/5/2018 cho mẹ chồng của chị D là bà Bảy nhận mỗi ngày là 220.000đ, tổng cộng là 3.960.000đ. Từ ngày 08/5/2018 đến ngày 20/6/2018 bà trả tiền cho chị D trực tiếp nhận. Đến ngày 20/6/2018 bà trả đủ cho chị D, hiện không còn nợ.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Nương trình bày:***

Bà thừa nhận có vay của chị D số tiền 10.000.000đ. Không thỏa thuận lãi suất bao nhiêu phần trăm, mà chỉ thỏa thuận bà phải trả góp cho chị D mỗi ngày là 220.000đ, trả trong vòng 60 ngày. Bà bắt đầu trả góp tiền từ ngày 20/4/2018 đến ngày 07/5/2018, trả cho mẹ chồng của chị D là bà Bảy nhận tổng cộng 18 ngày bằng 3.960.000đ, Còn lại từ ngày 08/5/2018 đến khi trả dứt nợ bà trả tiền cho chị D trực tiếp nhận 42 ngày là 9.240.000đ. Đến nay bà đã trả đủ tiền vay cho chị D, hiện không còn nợ. Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2019 bà Nương thừa nhận còn nợ chị D 36 ngày bằng 7.920.000đ.

Tại phiên tòa bà Trần Thu Nhân trình bày: Bà không có nhận tiền do bà Tơ, bà Nương trả như chị D đã trình bày tại phiên tòa ngày 28/02/2019.

**** Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc Thông Thành là ông Diệp Bình Hùng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Hùng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng ông Diệp Bình Hùng, bà Tơ, bà Nương đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh Ng được ly hôn với chị D .

+ Tài sản chung: Chị D bán 06 chỉ vàng 24K bằng 21.603.000đồng, chị D cho bà Bùi Thị Tơ và bà Đặng Thị Nương mỗi người vay 10.000.000đồng. Chị D, bà Tơ, bà Nương xác định sau khi vay bà Tơ, bà Nương mỗi người đã trả 18 ngày

(220.000đồng/ngày) bằng 7.920.000đồng, bà Bảy là người nhận tiền. Bà Dương Thị Bảy không thừa nhận, chị D, bà Tơ, bà Nương không có chứng cứ chứng minh bà Bảy đã nhận 7.920.000 đồng do bà Tơ, bà Nương trả. Từ đó, có căn cứ xác định chị D đang quản lý 7.920.000đồng do bà Tơ, bà Nương trả và số tiền bà Tơ đã trả 13 ngày bằng 2.860.000đồng, bà Nương trả 06 ngày bằng 1.320.000đồng theo sự thừa nhận của chị D cùng 1.603.000đồng là số tiền bán vàng còn thừa lại sau khi cho bà Tơ, bà Nương vay. Tổng số tiền chị D đang quản lý là 13.703.000đồng. Đây là tài sản chung của anh Ng và chị D nên khi ly hôn mỗi người được nhận 1/2. Do chị D đang quản lý số tiền trên nên đề nghị buộc chị D giao cho anh Ng 6.851.500đồng, chị D được hưởng 6.851.500đồng. Số tiền bà Tơ còn nợ 29 ngày bằng 6.380.000 đồng, buộc bà Tơ trả cho chị D 3.190.000đồng, trả cho anh Ng 3.190.000đồng. Số tiền bà Nương còn nợ lại 36 ngày bằng 7.920.000 đồng, buộc bà Nương trả cho chị D 3.960.000đồng, trả cho anh Ng 3.960.000đồng. Đối với 04 chỉ vàng 24K còn lại đây là tài sản chung của vợ chồng, chị D bán vàng chi sài cá nhân nhưng không có sự đồng ý của anh Ng nên chị D cho rằng đã bán và chi sài hết là không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ng, buộc chị D có nghĩa vụ giao cho anh Ng 02 chỉ vàng 24K, chị D được sở hữu 02 chỉ vàng 24K.

Chị D cho rằng bà Dương Thị Bảy mượn của chị 2.000.000đ nên yêu cầu bà Bảy trả. Chị D yêu cầu bà Bảy trả tiền nhưng không thực hiện thủ tục khởi kiện nên đề nghị không xem xét yêu cầu này của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị D và yêu cầu chia tài sản chung, đây là tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị D đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Ng vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt anh Ng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí Ng và chị Diệp Ngọc D tự Ng sống chung từ năm 2017, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phước Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/12/2017. Do đó, hôn nhân giữa anh Ng và chị D là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay, anh Ng yêu cầu ly hôn với chị D, chị D cũng đồng ý ly hôn với anh Ng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Ng, anh Nguyễn Chí Ng được ly hôn với chị Diệp Ngọc D.

[4] Về con chung: Anh Ng và chị D không có con chung, con nuôi và con riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chí Ng yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm số tiền chị D đã bán 06 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 24K do chị D đang quản lý. Chị D chỉ đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của anh Ng khi bà Dương Thị Bảy trả số tiền 7.920.000đồng đã nhận của bà Tơ, bà Nương và 2.000.000đồng đã mượn của chị.

[6] Xét yêu cầu của anh Ng và ý kiến của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền chị D bán 6 chỉ vàng 24K để cho bà Bùi Thị Tơ, bà Đặng Thị Nương vay. Chị D, bà Tơ, bà Nương xác định: Sau khi vay bà Tơ, bà Nương mỗi người đã trả được 18 ngày bằng 3.960.000 đồng, tổng cộng hai người đã trả là 7.920.000đồng, bà Dương Thị Bảy là người nhận số tiền trên. Tuy nhiên, bà Bảy không thừa nhận, trong khi chị D, bà Tơ, bà Nương không có chứng cứ chứng minh bà Tơ và bà Nương đã trả cho bà Bảy 7.920.000đồng. Vì vậy, lời trình bày của chị D, bà Tơ, bà Nương về vấn đề trên không được chấp nhận. Từ đó, có căn cứ xác định chị D đang quản lý số tiền bà Tơ đã trả góp 31 ngày bằng 6.820.000đồng, bà Nương trả góp 24 ngày bằng 5.280.000đồng và 1.603.000đồng bán vàng thừa lại sau khi cho bà Tơ, bà Nương vay. Tổng số tiền chị D đang quản lý là 13.703.000đồng. Đây là tài sản chung của anh Nguyễn Chí Ng và chị Diệp Ngọc D nên khi ly hôn mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Do chị D đang quản lý tiền nên buộc chị D có nghĩa vụ giao cho anh Ng 6.851.500đồng, chị D được sở hữu 6.851.500 đồng. Theo giấy nhận nợ có xác nhận của Chủ tịch xã Phước Long ngày 05/3/2019 bà Tơ và bà Nương thừa nhận còn nợ chị D. Tại phiên tòa chị D xác định bà Tơ còn nợ 29 ngày bằng 6.380.000đ; bà Nương còn nợ chị D 36 ngày bằng 7.920.000đồng. Sự thừa nhận của bà Tơ, bà Nương là phù hợp với lời khai của chị D. Do đó, có căn cứ xác định bà Tơ, bà Nương còn nợ chị D số tiền trên. Do đây là tài sản chung của chị D và anh Ng nên buộc bà Tơ trả cho chị D 3.190.000đồng, trả cho anh Ng 3.190.000đồng, buộc bà Nương trả cho chị D 3.960.000đồng, trả cho anh Ng 3.960.000đồng. Đối với 04 chỉ vàng 24K còn lại đây là tài sản chung của anh Nguyễn Chí Ng và chị Diệp Ngọc D. Số vàng này chị D đã bán sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng không có sự đồng ý của anh Ng. Vì vậy, nay anh Ng yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số vàng là có căn cứ, được chấp nhận. Do đó, buộc chị D có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Ng 02 chỉ vàng 24K, chị D được sở hữu 02 chỉ vàng 24K.

[7] Chị D yêu cầu bà Dương Thị Bảy trả số tiền 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật, nên không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của chị D. Chị D có quyền yêu cầu bà Bảy trả tiền trong một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[8] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Ng và chị D, bà Tơ, bà Nương phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 33, 35, 56, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí Ng được ly hôn với chị Diệp Ngọc D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Chí Ng và chị Diệp Ngọc D không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Chí Ng.

Buộc chị Diệp Ngọc D có nghĩa vụ phải giao cho anh Nguyễn Chí Ng số tiền Việt Nam là 6.851.500 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Chị Diệp Ngọc D được hưởng số tiền Việt Nam 6.851.500 đồng và 02 chỉ vàng 24K.

Buộc bà Bùi Thị Tơ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chí Ng 3.190.000đồng, trả cho chị Diệp Ngọc D 3.190.000đồng.

Buộc bà Dương Thị Nương có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Chí Ng 3.960.000đồng, trả cho chị Diệp Ngọc D 3.960.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Chí Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.054.300 đồng. Anh Ng đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 736.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011799 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Anh Ng còn phải nộp tiếp 618.300 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị Diệp Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.054.300 đồng.

Bà Bùi Thị Tơ phải chịu án phí có giá ngạch là 319.000đồng, bà Dương Thị Nương phải chịu án phí có giá ngạch là 396.000đồng.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Khang